TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2024/DS-ST
Ngày 30 -9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khưu Liên Dung

2. Bà Dư Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 295/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2024/QĐXXST-DS ngày 29/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 169/2024/QĐ-ST ngày 13/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần N3**

Trụ sở: Số A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đậu Tuấn C, chức vụ: Giám đốc chi nhánh B.

Người đại diện theo uỷ quyền lại của ông Đậu Tuấn C: Ông Mã Kim K, chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách Phòng khách hàng chi nhánh B.

Địa chỉ: Số D Hòa Bình, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Bị đơn: Ông **Châu Kiết T**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Bà **Lê Hồng Thiện M**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C đường P, Khóm C, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Mã Kim K trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần N3 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Châu Kiết T, bà Lê Hồng Thiện M đã ký kết các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1057/VCB.BLI.18 ngày 21/8/2018, số tiền cấp tín dụng là 1.500.000.000 đồng, số tiền nhận nợ ngày 23/8/2018 là 1.500.000.000 đồng, lãi suất 8,7%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay mua đất ở, thời hạn thanh toán đến ngày 23/8/2033.

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 982.TN/HĐHM.BL.22 ngày 24/10/2022, số tiền cấp tín dụng là 1.000.000.000 đồng; ngày 09/8/2023 nhận nợ 500.000.000 đồng, lãi suất 8.0%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh phụ tùng xe gắn máy, thời hạn thanh toán đến ngày 09/01/2024; ngày 11/8/2023 nhận nợ 500.000.000 đồng, lãi suất 8.0%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh phụ tùng xe gắn máy, thời hạn thanh toán đến ngày 11/01/2024.

Hợp đồng thẻ tín dụng số V0890001181 ngày 07/8/2020, số tiền vay 30.000.000 đồng, thanh toán theo tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán của các khoản vay nêu trên, giữa Ngân hàng và ông Châu Kiết T, bà Lê Hồng Thiện M đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 318/VAB.BLI.18 ngày 21/8/2018 và Hợp đồng sửa đổi số 01/318/VAB.BLI.18 ngày 27/7/2020, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 13, diện tích 39,8m^2 tọa lạc tại Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 549378 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M ngày 11/7/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M đã vi phạm hợp đồng, ông T và bà M đã không thanh toán đúng thời hạn quy định theo giấy nợ ngày 09/8/2023 và giấy nhận nợ ngày 11/8/2023. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho ông T và bà M thanh toán nợ nhưng ông T và bà M không thanh toán, các khoản vay của ông T và bà M đã quá hạn thanh toán. Theo thoả thuận của hợp đồng, nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán của một trong các hợp đồng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu thanh toán tất cả các khoản nợ.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà M thanh toán các khoản nợ tạm tính đến ngày 30/9/2024, cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1057/VCB.BLI.18 ngày 21/8/2018: nợ gốc là 975.210.000, lãi trong hạn 76.648.091 đồng, lãi quá hạn 1.365.550 đồng; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 982.TN/HĐHM.BL.22 ngày 24/10/2022: nợ gốc là 1.000.000.000 đồng; lãi trong hạn 66.479.452 đồng, lãi quá hạn 28.417.809 đồng; Hợp đồng thẻ tín dụng

số V0890001181 ngày 07/8/2020: nợ gốc là 29.249.427 đồng, nợ lãi 4.500.365 đồng, phí không thanh toán 5.543.951 đồng, tổng cộng ông T và bà M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.187.414.645 đồng (trong đó: nợ gốc 2.004.459.427 đồng, lãi trong hạn 147.627.908 đồng, lãi quá hạn 29.783.358 đồng, phí vượt hạn mức 5.543.951 đồng). Ngoài ra, ông T và bà M còn phải trả lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận của từng hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông T và bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như triệu tập làm việc, thông báo thời gian thẩm định tài sản thế chấp, triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đúng quy định pháp luật, nhưng ông T và bà M đều vắng mặt, không đến tòa làm việc, không nộp văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham dự phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T và bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành của bị đơn chưa đúng pháp luật. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn với số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 2.187.414.644 đồng (trong đó: nợ gốc 2.004.459.427 đồng, lãi trong hạn 147.627.908 đồng, lãi quá hạn 29.783.358 đồng, phí vượt hạn mức 5.543.951 đồng) và tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo từng hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông T và bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần N3 và ông Châu Kiết T, bà Lê Hồng Thiện M ký kết các hợp đồng tín dụng, mục đích vay để mua đất ở và bổ sung vốn kinh doanh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà M trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng

không chứng minh được ông T và bà M có đăng ký và hoạt động kinh doanh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M cư trú tại: Số C đường P, Khóm C, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về các phiên họp, thông báo việc xem xét thẩm định nhưng bị đơn ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M đều vắng mặt không rõ lý do. Ông T và bà M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà M theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N3 về việc yêu cầu ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết: Căn cứ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1057/VCB.BLI.18 ngày 21/8/2018, giấy nhận nợ ngày 23/8/2018; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 982.TN/HĐHM.BL.22 ngày 24/10/2022, giấy nhận nợ ngày 09/8/2023 và giấy nhận nợ ngày 11/8/2023; Hợp đồng thẻ tín dụng số V0890001181 ngày 07/8/2020, Hội đồng xét xử xét thấy: Các hợp đồng tín dụng được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hợp đồng chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Tình tiết nêu trên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng ông T và bà M đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ và các khoản nợ đã hết hạn thanh toán, nhưng ông T và bà M không thanh toán là vi phạm hợp đồng, ông T và bà M là vợ chồng nên cả hai cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà M thanh toán các khoản tiền còn nợ của các hợp đồng đã ký, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2024 tổng cộng là 2.187.414.644 đồng (trong đó: nợ gốc 2.004.459.427 đồng, lãi trong hạn 147.627.908 đồng, lãi quá hạn 29.783.358 đồng, phí vượt hạn mức 5.543.951 đồng) là có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, ông T và bà M còn phải thanh toán nợ lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 318/VAB.BLI.18 ngày 21/8/2018 và Hợp đồng sửa đổi số 01/318/VAB.BLI.18 ngày 27/7/2020, Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên của ông T và bà M là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 13, diện tích 39,8m^2 tọa lạc tại

Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 549378 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M ngày 11/7/2018 theo Hợp đồng thế chấp số 318/VAB.BLI.18 ngày 21/8/2018 và Hợp đồng sửa đổi số 01/318/VAB.BLI.18 ngày 27/7/2020 được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 22/8/2018. Tài sản được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 22/8/2018.

Căn cứ vào Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2024 thì tài sản thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm sau: Nhà đất thế chấp thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 13, diện tích 39,8m² tọa lạc tại Khóm C, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 549378 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M ngày 11/7/2018, trên đất thế chấp có căn nhà loại II (01 trệt, 03 tầng lầu), hiện trạng nhà đất không thay đổi so với thời điểm ký thế chấp.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp nêu trên được các bên tự nguyện ký kết, hợp đồng được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp ông T và bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 750.000 đồng ông T và bà M phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm ứng trước nên ông T và bà M có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền 750.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị đơn ông T và bà M phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 75.748.292 đồng.

[8] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của y ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N3 đối với bị đơn ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N3, số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2024 là 2.187.414.644 đồng (trong đó: nợ gốc 2.004.459.427 đồng, lãi trong hạn 147.627.908 đồng, lãi quá hạn 29.783.358 đồng, phí vượt hạn mức 5.543.951 đồng).

Kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì buộc ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M giao tài sản thế chấp để Ngân hàng thương mại cổ phần N3 yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thể chấp để thu hồi nợ theo quy định, đối với tải sản sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 13, diện tích 39,8m^2 tọa lạc tại Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 549378 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M ngày 11/7/2018 theo Hợp đồng thế chấp số 318/VAB.BLI.18 ngày 21/8/2018 và Hợp đồng sửa đổi số 01/318/VAB.BLI.18 ngày 27/7/2020 được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 22/8/2018. Tài sản được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 22/8/2018.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định: Ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M phải nộp 750.000 đồng. Do Ngân hàng đã tạm ứng trước nên ông T và bà M có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền 750.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Châu Kiết T và bà Lê Hồng Thiện M phải nộp 75.748.292 đồng (bảy mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm chín mươi hai đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu. Ngân hàng thương mại cổ phần N3 không phải chịu án phí, Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 37.643.231 đồng theo Biên lai thu số 0002890 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được hoàn lại toàn bộ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Chi cục T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ca Kiều Nguyệt